Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Đức Cơ
Email: ubndducco@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Ngày ký: 28-10-2021 09:43:09 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN ĐỨC CƠ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 144 /KH-UBND	*Đức Cơ, ngày 27 tháng 10 năm 2021*

KẾ HOẠCH
LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỨC CƠ GIAI ĐOẠN 2021-2025

Nhằm tổ chức thực hiện Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ đến năm 2035; Quy hoạch chung xây dựng các xã đến năm 2030.

Uỷ ban nhân dân huyện Đức Cơ ban hành Kế hoạch lập quy hoạch chi tiết xây dựng trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 – 2025, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ đến năm 2035 và các Quy hoạch chung xây dựng các xã đến năm 2030.

- Tổ chức triển khai các Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trong các đồ án quy hoạch chung xây dựng trên địa bàn các xã đã được phê duyệt.

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan liên quan, UBND các xã và thị trấn, đồng thời chủ động triển khai thực hiện đúng kế hoạch đề ra theo lĩnh vực quản lý.

- Đưa ra các cơ chế, chính sách nhằm thực hiện quy hoạch được khả thi, kịp thời, đúng tiến độ và theo trình tự ưu tiên.

2. Yêu cầu:

- Các đồ án quy hoạch cần được tiến hành khẩn trương, đảm bảo chất lượng, đồng bộ, có sự phối hợp giữa các cơ quan, các địa phương và các đơn vị tư vấn có liên quan, đáp ứng tiến độ kế hoạch.

- Quy hoạch phải đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, phù hợp thực tiễn đầu tư xây dựng, quản lý và phát triển; làm cơ sở để giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất, tạo động lực phát triển cho các địa phương nói riêng, huyện Đức Cơ nói chung và góp phần tạo sự đột phá, chuyển biến trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, quản lý đô thị, quản lý quy hoạch trên toàn huyện.

- Kiểm tra, giám sát có hiệu quả đối với các đồ án quy hoạch trong triển khai xây dựng và quản lý quy hoạch xây dựng.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI:

1. Nội dung kế hoạch:

Triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng gồm 82 đồ án, trên địa bàn 09

xã và thị trấn Chư Ty, trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Kinh phí thực hiện: Dự kiến kinh phí thực hiện khoảng: **29,9 tỷ đồng**

Trong đó:

- Kinh phí theo kế hoạch (bố trí trong nguồn vốn đầu tư công) để thực hiện khoảng 6,7 tỷ đồng (Cấp huyện 5,9 tỷ, cấp xã 0,8 tỷ): **Phụ lục 1.**

- Kinh phí cần bổ sung thêm (nếu bố trí được nguồn vốn) để thực hiện khoảng 4,7 tỷ đồng (Cấp huyện 2,8 tỷ, cấp xã 1,9 tỷ): **Phụ lục 2.**

- Ngoài ra, nếu cân đối được kinh phí và thu hồi được đất từ các Công ty cao su để thực hiện quy hoạch thì tiếp tục thực hiện các quy hoạch còn lại theo kế hoạch khoảng 18,5 tỷ đồng (Cấp huyện 4,3 tỷ, cấp xã 14,2 tỷ): **Phụ lục 3.**

(Chi tiết theo các phụ lục đính kèm; theo thứ tự ưu tiên từ phụ lục 1 đến phụ lục 3)

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Về nguồn vốn:

- Nguồn vốn ngân sách:

+ UBND huyện ưu tiên bố trí kinh phí cho công tác lập quy hoạch xây dựng bằng ngân sách huyện (đối với các đồ án do huyện thực hiện).

+ UBND cấp xã bố trí kinh phí cho công tác lập quy hoạch xây dựng bằng ngân sách cấp xã (Các đồ án do xã thực hiện).

- Nguồn vốn khác: UBND tỉnh cho áp dụng cơ chế huy động vốn và năng lực tổ chức lập quy hoạch đối với các tổ chức kinh tế trong việc lập quy hoạch xây dựng thực hiện theo Khoản 2, Điều 2, Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng về việc *"Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng vốn khác (không thuộc vốn ngân sách nhà nước) để thực hiện quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị vận dụng các quy định tại Thông tư này để xác định và quản lý chi phí"*. Các tổ chức kinh tế tham gia tổ chức lập quy hoạch sẽ được xem xét ưu tiên trong giai đoạn triển khai tiếp theo trên cơ sở tuân thủ theo Quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Về nguồn nhân lực:

- Đối với Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện: Chủ động phân công công chức hoặc kiến nghị tăng cường công chức có trình độ chuyên môn đáp ứng được việc tham mưu cho UBND huyện tổ chức lập, thẩm định, trình phê duyệt các quy hoạch thuộc thẩm quyền, công chức quy hoạch phải có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực ngành đào tạo: Kiến trúc, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Đối với UBND các xã, thị trấn: Tăng cường công tác tổ chức, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức sao cho khoa học, hợp lý, kết hợp đẩy nhanh công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực được giao; báo cáo UBND huyện để có kế hoạch thực hiện, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhằm nâng cao trình độ năng lực trong công tác quản lý về quy hoạch, kiến trúc.

- Thực hiện cải cách hành chính tiến tới giảm thiểu thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết từ khâu chuẩn bị đầu tư dự án, thiết kế đến thẩm định, phê duyệt, giải phóng mặt bằng và xây dựng. Xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cá nhân, trong xây dựng, phát triển và quản lý quy hoạch.

3. Về khoa học công nghệ:

- Huy động các nguồn lực để đầu tư cho lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý quy hoạch.

- Huy động tiềm năng trí tuệ, phát huy vai trò của các chuyên gia, nhà khoa học, các công dân có kinh nghiệm trong công tác tư vấn quy hoạch xây dựng, đảm bảo chất lượng và tiến độ đồ án.

4. Về cơ chế, chính sách:

Xây dựng cơ chế, chính sách quản lý và khai thác nguồn lực đất đai, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với các chương trình phát triển của huyện và các xã, thị trấn.

5. Về công tác phối hợp:

- Tăng cường trao đổi, phối hợp giữa các cơ quan liên quan để kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong công tác triển khai các quy hoạch và các công việc liên quan đến việc lập quy hoạch xây dựng và đầu tư xây dựng.

- Thông qua Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng do UBND huyện thành lập để thẩm định các đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND huyện. Trong đó cần lấy ý kiến các Sở, Ngành chức năng của tỉnh trong quá trình lập, thẩm định và trình phê duyệt quy hoạch, đảm bảo cập nhật đầy đủ thông tin, tiết kiệm thời gian, tránh sai sót, chỉnh sửa hay điều chỉnh sau khi quy hoạch được phê duyệt.

- Tăng cường làm việc trực tiếp, trao đổi thực hiện giữa các cơ quan liên quan kế hoạch, nhằm tháo gỡ kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện các công việc được giao, đảm bảo sự đồng bộ trong công tác quản lý.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng: Căn cứ vào nội dung Mục II của Kế hoạch này, có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đối với các đồ án thuộc cấp huyện thực hiện; làm đầu mối, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai lập quy hoạch đối với các Chủ đầu tư được giao lập quy hoạch trên địa bàn huyện; kịp thời trình thẩm định, phê duyệt đúng quy định. Ngoài kế hoạch này, theo tình hình thực tế, hằng năm phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp với các bên liên quan rà soát, đề xuất tham mưu bổ sung quy hoạch chi tiết phù hợp tình hình phát triển kinh tế, nhu cầu đầu tư và yêu cầu quản lý.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định các bản đồ nền địa hình phục vụ lập quy hoạch. Rà soát hiện trạng theo bản đồ địa chính khu đất có nhu cầu lập quy hoạch, tham mưu UBND huyện lập hồ sơ thanh lý cây cao su của các Công ty và tiếp nhận các quỹ đất đã

được UBND tỉnh thu hồi cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để lập quy hoạch; tham gia ý kiến về các nội dung thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị đối với hồ sơ các đồ án quy hoạch xây dựng.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch: Tham mưu bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch lập quy hoạch xây dựng đối với các đồ án sử dụng vốn ngân sách huyện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn vốn được giao, đảm bảo đúng mục đích và hiệu quả.

4. UBND các xã, thị trấn và các tổ chức tham gia lập quy hoạch:

- Căn cứ vào nội dung Kế hoạch có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo quy hoạch được lập có chất lượng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

- Định kỳ ngày 15/6 và ngày 15/12 hằng năm các đơn vị, UBND các xã báo cáo về UBND huyện (qua phòng Kinh tế và Hạ tầng) về tiến độ thực, kết quả thực hiện.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã và thị trấn Chư Ty nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Phòng Kinh tế và Hạ tầng chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch, đề xuất chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc, định kỳ vào ngày 20/6 và ngày 20/12, hoặc báo cáo đột xuất khi yêu cầu. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phải kịp thời báo cáo UBND huyện xem xét để giải quyết./.

Nơi nhận:
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;VP;
- Phòng KTHT, TNMT; Tài chính-Kế hoạch;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã và TT Chư Ty;
- Công ty TNHH MTV 72, 74;
- Chi nhánh Công ty 75;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT –VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vũ Mạnh Định

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH LẬP QUY HOẠCH XÂY DỰNG MỚI VÀ ĐIỀU CHỈNH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỨC CƠ (ƯU TIÊN VỐN THEO KẾ HOẠCH)

(Kèm theo Kế hoạch số: 144 /KH-UBND, ngày 27 / 10 /2021 của UBND huyện Đức Cơ)

STT	Nội dung lập quy hoạch	Địa điểm	Quy mô *(ha)*	Dự kiến thời gian và kinh phí lập quy hoạch *(đồng)*					Nguồn vốn	Ghi chú
				2021	2022	2023	2024	2025		
A	**Quy hoạch chi tiết xây dựng lập mới và điều chỉnh cấp huyện**		***67,92***	***1.929.240.000***	***1.418.100.000***	***1.857.015.000***	***200.900.000***	***511.560.000***		
1	Điểm dân cư Tổ dân phố 7 (Giáp phía Tây Công an huyện, nối tiếp quy hoạch đã phê duyệt)	TT Chư Ty	5,52	480.240.000					NS huyện	Đã phê duyệt
2	Khu tiểu thủ công nghiệp (KSXKDTT)	TT Chư Ty	7,92	269.280.000					nt	
3	Điểm dân cư Tổ dân phố 6	TT Chư Ty	9,12	793.440.000					nt	Đã lấy ý kiến SXD
4	Điểm dân cư Tổ dân phố 7 (đường đi xã Ia Pnôn, phía sau CA huyện)	TT Chư Ty	3,16	274.920.000					nt	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư TDP 6 (giáp khu dân cư hiện trạng đường Quang Trung, đối diện NHCT)	TT Chư Ty	8,7		756.900.000				nt	
6	Điểm dân cư Tổ dân phố 7 (Giáp phía Đông Công an huyện, đường vào xã Ia Pnôn)	TT Chư Ty	7,6		661.200.000				nt	Bao gồm khu dân cư hiện trạng
7	Điều chỉnh quy hoạch chợ Đức Cơ	TT Chư Ty	1,6	111.360.000					nt	
8	Tổ dân phố 4 (từ TTCT đến đường bê tông)	TT Chư Ty	4,6			400.200.000			nt	
9	Tổ dân phố 5 cũ (đất ở kết hợp TM-DV, hoa viên cây xanh - mặt nước…)	TT Chư Ty	19,7			1.456.815.000			nt	
10	Bãi xử lý rác của huyện	Xã Ia Kriêng	5,74				200.900.000			
11	Điều chỉnh QH chi tiết công viên văn hóa huyện	TT Chư Ty	8,4					511.560.000		
B	**Quy hoạch chi tiết xây dựng lập mới và điều chỉnh các xã**		***34,21***	***808.500.000***	***20.650.000***	***0***	***0***	***0***	Tiền SDĐ cấp xã	

I	**Xã Ia Nan**									
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Mút, xã Ia Nan	Thôn Ia Mút	2,77	96.950.000,00					nt	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Tum	Xã Ia Nan	0,59		20.650.000,00				nt	
II	**Ia Kriêng**									
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Kăm	Làng Pnuk	2,81	98.350.000					nt	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Kăm (đoạn dốc An Thùy)	Làng Pnuk	3,6	126.000.000					nt	
III	**Ia Dom**									
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư Đội 20 và 21, Công ty TNHH Một thành viên 72, xã Ia Dom	Đường QL14C	10,52						Do Công ty 74 chi trả	Đã phê duyệt
IV	**Xã Ia Din**									
1	Điểm dân cư làng Yít Tú (Từ Đội thuế số 1 đến khu vực khu dân cư làng Yít Rông)	Xã Ia Din	2,29	80.150.000					nt	
2	Điểm dân cư thôn Quyết Thắng (phía sau khu dân cư hiện trạng QL 19)	Xã Ia Din	1,3	45.500.000				Đang triển khai	nt	
3	Điểm dân cư làng Nẻh 2 (Đoạn từ ngã ba đi cầu C4)	Xã Ia Din	2,58	90.300.000					nt	
V	**Xã Ia Lang**								nt	
1	Điểm dân cư làng Le 2	Làng Le 2	7,75	271.250.000					nt	
Tổng cộng (A+B): 6.745.965.000 đồng				***2.737.740.000***	***1.438.750.000***	***1.857.015.000***	***200.900.000***	***511.560.000***		

PHỤ LỤC II
KẾ HOẠCH LẬP QUY HOẠCH XÂY DỰNG MỚI VÀ ĐIỀU CHỈNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỨC CƠ (VỐN CẦN BỔ SUNG THÊM)

(Kèm theo Kế hoạch số: 144 /KH-UBND, ngày 27 / 10 /2021 của UBND huyện Đức Cơ)

STT	Nội dung lập quy hoạch	Địa điểm	Quy mô (ha)	Dự kiến thời gian và kinh phí lập quy hoạch *(đồng)*					Nguồn vốn	Ghi chú
				2021	2022	2023	2024	2025		
A	**Quy hoạch chi tiết xây dựng lập mới và điều chỉnh cấp huyện**		***62***	-	***2.535.000.000***	-	***245.000.000***	-		
1	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết nghĩa địa chung của huyện	Xã Ia Kriêng	10				245.000.000		nt	
2	Khu dân cư làng Trol Đeng	TT Chư Ty	52		2.535.000.000					
B	**Quy hoạch chi tiết xây dựng lập mới và điều chỉnh các xã**		***64,50***	***927.500.000***	***770.000.000***	***210.000.000***	***0***	***0***	Tiền SDĐ cấp xã	
I	**Xã Ia Nan**									
1	Quy hoạch chi tiết nghĩa địa chung của xã	Thôn Ia Kle	5	175.000.000,00					nt	
2	Quy hoạch chi tiết nghĩa địa làng Sơn	Làng Sơn	1		35.000.000,00				nt	
II	**Xã Ia Krêl**									
1	Quy hoạch xây dựng nghĩa địa chung của xã	Làng Ngo Rông	4,5	157.500.000,00					nt	
2	Quy hoạch xây dựng nghĩa địa Làng Krol	Làng Krol	1	35.000.000,00					nt	
3	Quy hoạch xây dựng nghĩa địa Làng Krêl	Làng Krêl	1	35.000.000,00					nt	
4	Quy hoạch xây dựng nghĩa địa Làng Ngo Le	Làng Ngo Le	1	35.000.000,00					nt	
5	Quy hoạch xây dựng nghĩa địa Làng Poong	Làng Poong	1	35.000.000,00					nt	
III	**Ia Kriêng**									
1	Quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa	Làng Lung Prông và Làng Hrang	13		455.000.000,00				nt	
IV	**Ia Dom**									
1	Quy hoạch chi tiết nghĩa địa chung xã Ia Dom	Lô 01, Đội 2, Công ty 72	5	175.000.000					nt	
V	**Xã Ia Dơk**									

1	Quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa địa chung xã	Thôn Đoàn Kết	3	105.000.000					nt	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm giết mổ tập trung	Làng Dơk Lăh	5						Xã hội hóa	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu chăn nuôi tập trung	Làng Dơk Ngol	5							
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng bãi xử lý rác thải	Làng Dơk Lăh	3		105.000.000				Tiền SDĐ	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng chợ và HTX	Làng Dơk Lăh	2			70.000.000			nt	
VI	**Ia Pnôn**									
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng Chợ, bến xe	Làng Chan	2			70.000.000			nt	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa địa chung xã	Làng Ba	5	175.000.000					nt	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng bãi rác	Làng Ba	2			70.000.000			nt	
VII	**Xã Ia Din**									
1	Nghĩa địa chung của xã	Xã Ia Din	5		175.000.000				nt	
Tổng cộng (A+B): 4.687.500.000 đồng			***127***	***927.500.000***	***3.305.000.000***	***210.000.000***	***245.000.000***	-		

PHỤ LỤC III
KẾ HOẠCH LẬP QUY HOẠCH XÂY DỰNG MỚI VÀ ĐIỀU CHỈNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỨC CƠ

(Kèm theo Kế hoạch số: 144 /KH-UBND, ngày 27 / 10/2021 của UBND huyện Đức Cơ)

STT	Nội dung lập quy hoạch	Địa điểm	Quy mô *(ha)*	Dự kiến thời gian và kinh phí lập quy hoạch *(đồng)*					Nguồn vốn	Ghi chú
				2021	2022	2023	2024	2025		
A	**Quy hoạch chi tiết xây dựng lập mới và điều chỉnh cấp huyện**			-	***140.000.000***	-	***2.049.820.000***	***2.041.800.000***		
1	Điểm dân cư TDP1	TT Chư Ty	24,86						Xã hội hóa	Đã lấy ý kiến SXD
2	Quy hoạch cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	Thôn Ia Kăm	30					1.050.000.000	nt	
3	Quy hoạch dự án chăn nuôi heo tập trung, gia cầm công nghệ cao	Làng Krai	20						Xã hội hóa	
6	Khu trung Tâm hành chính huyện tại TDP 1 (chỉnh trang)	TT Chư Ty	11				957.000.000		nt	
7	Điểm dân cư đường Nguyễn Văn Linh (chỉnh trang)	TT Chư Ty	11,4					991.800.000	nt	
8	Khu Trung tâm TDTT huyện	TT Chư Ty	4,86				422.820.000		nt	
9	Khu vực kho vật cãn	TT Chư Ty	9,5				617.500.000		nt	
10	Khu Di sản cây đa làng Ghè	Ia Dơk	4		140.000.000				nt	
11	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu du lịch sinh thái (Thác Ông Đồng)	Ia Pnôn-Ia Nan	1,5				52.500.000,00		nt	
B	**Quy hoạch chi tiết xây dựng lập mới và điều chỉnh các xã**			***315.000.000***	***10.549.000.000***	***557.550.000***	***2.528.500.000***	***283.850.000***	Tiền SDĐ cấp xã	
I	**Xã Ia Nan**									
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư đường vào làng Sơn, xã Ia Nan	Làng Sơn	3			105.000.000,00			nt	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư làng Nú (bên trái Hội trường làng Nú), xã Ia Nan	Làng Nú	1,5				52.500.000,00		nt	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Kle (ngã ba Thức Hạnh), xã Ia Nan	Thôn Ia Kle	2,77					96.950.000,00	nt	

4	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm cụm xã, xã Ia Nan	Xã Ia Nan	45		1.181.250.000,00				nt	
5	Điều chỉnh QHCXD xã	Xã Ia Nan					250.000.000,00			
II	**Xã Ia Krêl**									
1	Quy hoạch chi tiết khu dân cư Làng Krêl	Làng Krêl	3		105.000.000,00				nt	
2	Quy hoạch chi tiết khu dân cư Làng Krol (giáp trường TH Anh Hùng Núp)	Làng Krol	3,5			122.500.000,00			nt	
3	Quy hoạch chi tiết khu dân cư Làng Ngo Rông (giáp cầu, hướng đi ngã ba bảng tin làng Krêl)	Làng Ngo Rông	2				70.000.000		nt	
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm cụm xã, xã Ia Krêl	Ia Krêl	30		787.500.000,00				nt	
5	Điều chỉnh QHCXD xã	Ia Krêl					250.000.000,00			
III	**Ia Kriêng**									
1	Quy hoạch mở rộng khu dân cư các làng	Xã Ia Kriêng	13,6				476.000.000		nt	
2	Quy hoạch hoa viên cây xanh, thể dục, thể thao	Làng Ấp	2,43			85.050.000,00			nt	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm cụm xã, xã Ia Kriêng	Ia Kriêng	30		787.500.000,00				nt	
4	Điều chỉnh QHCXD xã	Ia Kriêng					200.000.000,00			
IV	**Ia Dom**									
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Mút (Đội 2, C.ty TNHH MTV 72)	Lô 02, Đội 2, Công ty 72	4		140.000.000				nt	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư làng Mook Trêl	Lô 02, Đội 17, Công ty 72	5			175.000.000			nt	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm cụm xã, xã Ia Dom	Ia Dom	55		1.443.750.000				nt	
4	Điều chỉnh QHCXD xã	Ia Dom					220.000.000,00			
V	**Xã Ia Dơk**									
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư các làng	Các làng	5				175.000.000		nt	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựngkhu nuôi trồng thủy sản	Làng Dơk Ngol	5,34					186.900.000	nt	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm cụm xã, xã Ia Dơk	Ia Dơk	48		1.260.000.000				nt	
4	Điều chỉnh QHCXD xã	Ia Dơk					230.000.000,00			
VI	**Ia Pnôn**									

1	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm cụm xã, xã Ia Pnôn	Ia Pnôn	62		1.519.000.000				nt	
2	Điều chỉnh QHCXD xã	Ia Pnôn					170.000.000,00		nt	
VII	**Xã Ia Din**									
1	Điểm dân cư làng Nẻh (Hai bên đường nội thôn)	Xã Ia Din	1,00			35.000.000			nt	
2	Điểm dân cư làng Al, Gôn	Xã Ia Din	1,00				35.000.000		nt	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm cụm xã, xã Ia Din	Xã Ia Din	74,00		1.813.000.000				nt	
4	Điều chỉnh QHCXD xã	Xã Ia Din					200.000.000,00			
VIII	**Xã Ia Lang**									
1	Điểm dân cư đường vào đồi 14	Làng Le 2	5	175.000.000					nt	
2	Nghĩa địa chung của xã	Làng Le 2	4	140.000.000					nt	
3	Điểm dân cư tuyến 2, làng Phang	Làng Phang	1			35.000.000			nt	
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm cụm xã, xã Ia Lang	Ia Lang	60		1.512.000.000				nt	
5	Điều chỉnh QHCXD xã	Ia Lang					200.000.000,00		nt	
Tổng cộng (A+B): 18.465.520.000 đồng			-	***315.000.000***	***10.689.000.000***	***557.550.000***	***4.578.320.000***	***2.325.650.000***		